

KẾT QUẢ XÉT MIỄN GIẢM VÀ CHUYỂN ĐIỂM HỌC PHẦN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-DCT ngày tháng năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)
Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
1. Khoa: Công nghệ cơ khí								
1	2005240299	Hoàng Thanh	Phong	15DHTP07	Vẽ kỹ thuật	2	6,9	Được miễn giảm
2	2025209001	Tăng Thái	Thịnh	11DHCDT1	An toàn lao động	2	6,0	Được miễn giảm
3	2025209001	Tăng Thái	Thịnh	11DHCDT1	Cơ kỹ thuật	3	5,0	Không miễn giảm
4	2025209001	Tăng Thái	Thịnh	11DHCDT1	Động lực học cơ học	2	6,0	Không miễn giảm
5	2025209001	Tăng Thái	Thịnh	11DHCDT1	Nguyên lý máy	2	5,0	Được miễn giảm
6	2025209001	Tăng Thái	Thịnh	11DHCDT1	Nhập môn kỹ thuật	2	8,0	Được miễn giảm
7	2025209001	Tăng Thái	Thịnh	11DHCDT1	Sức bền vật liệu	3	6,0	Được miễn giảm
8	2025209001	Tăng Thái	Thịnh	11DHCDT1	Thực hành cơ khí đại cương	2	6,5	Được miễn giảm
9	2025209001	Tăng Thái	Thịnh	11DHCDT1	Vẽ kỹ thuật	2	6,0	Được miễn giảm
2. Khoa: Công nghệ hóa học								
1	2005232510	Nguyễn Thị Phương	Quyên	14DHTP01	Hóa đại cương 1 (CNTP)	2	7,5	Được miễn giảm
2	2005232510	Nguyễn Thị Phương	Quyên	14DHTP01	Hóa hữu cơ	3	5,6	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
3. Khoa: Công nghệ thông tin								
1	2001221811	Nguyễn Hữu Hoàng	Thông	13DHTH01	Hệ điều hành	3	7,1	Được miễn giảm
2	2001221811	Nguyễn Hữu Hoàng	Thông	13DHTH01	Kỹ năng ứng dụng CNTT	3	9,2	Được miễn giảm
3	2001221811	Nguyễn Hữu Hoàng	Thông	13DHTH01	Kỹ thuật lập trình (LT + TH)	3	7,5	Được miễn giảm
4	2001240087	Lý Vĩnh	Đức	15DHTH06	Tin học cơ bản	3	8,1	Được miễn giảm
5	2001240367	Thân Thế	Phong	15DHTH02	Đồ họa ứng dụng	3	5,7	Được miễn giảm
6	2001240367	Thân Thế	Phong	15DHTH02	Kiến trúc máy tính	3	7,3	Được miễn giảm
7	2001240367	Thân Thế	Phong	15DHTH02	Kỹ thuật lập trình	2	6,9	Được miễn giảm
8	2001240367	Thân Thế	Phong	15DHTH02	Nhập môn lập trình	3	4,5	Được miễn giảm
9	2001240367	Thân Thế	Phong	15DHTH02	Tin học cơ bản	3	5,5	Được miễn giảm
10	2001240367	Thân Thế	Phong	15DHTH02	TH kỹ thuật lập trình	1	4,5	Được miễn giảm
11	2001240367	Thân Thế	Phong	15DHTH02	TH nhập môn lập trình	2	5,8	Được miễn giảm
12	2025209001	Tăng Thái	Thịnh	11DHCDT1	Kỹ năng ứng dụng CNTT	3	7,0	Được miễn giảm
4. Khoa: Du lịch và Ẩm thực								
1	2001240367	Thân Thế	Phong	15DHTH02	Kỹ năng giao tiếp	2	7,9	Được miễn giảm
2	2029240312	Nguyễn Trúc	Phương	15DHAV06	Kỹ năng học tập đại học	2	8,4	Được miễn giảm
3	2039240167	Nguyễn Thanh	Ngân	15DHTQ02	Lịch sử văn minh thế giới	2	8,3	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
4	2039240167	Nguyễn Thanh	Ngân	15DHTQ02	Tiếng Việt thực hành	2	8,6	Được miễn giảm
5. Khoa: Giáo dục thể chất - Quốc phòng an ninh								
1	2001230500	Võ Trần Xuân	Mai	14DHTH09	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
2	2001230500	Võ Trần Xuân	Mai	14DHTH09	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
3	2001240087	Lý Vĩnh	Đức	15DHTH06	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	6,6	Được miễn giảm
4	2001240087	Lý Vĩnh	Đức	15DHTH06	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	7,8	Được miễn giảm
5	2001240087	Lý Vĩnh	Đức	15DHTH06	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	7,0	Được miễn giảm
6	2001240087	Lý Vĩnh	Đức	15DHTH06	Giáo dục thể chất 2 - Võ thuật	2	5,0	Được miễn giảm
7	2001240149	Từ Kim	Hoàng	15DHTH05	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
8	2001240149	Từ Kim	Hoàng	15DHTH05	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
9	2001240156	Khúc Nguyễn Tuấn	Hùng	15DHTH06	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
10	2001240156	Khúc Nguyễn Tuấn	Hùng	15DHTH06	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
11	2001240156	Khúc Nguyễn Tuấn	Hùng	15DHTH06	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
12	2001240156	Khúc Nguyễn Tuấn	Hùng	15DHTH06	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
13	2001240247	Nguyễn Văn	Linh	15DHTH03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
14	2001240247	Nguyễn Văn	Linh	15DHTH03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
15	2001240247	Nguyễn Văn	Linh	15DHTH03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
16	2001240247	Nguyễn Văn	Linh	15DHTH03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
17	2001240367	Thân Thế	Phong	15DHTH02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	6,5	Được miễn giảm
18	2001240367	Thân Thế	Phong	15DHTH02	Giáo dục thể chất 1 - Bơi	2	10,0	Được miễn giảm
19	2001240367	Thân Thế	Phong	15DHTH02	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền	2	7,0	Được miễn giảm
20	2001240503	Nguyễn Đức	Toàn	15DHTH04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	6,5	Được miễn giảm
21	2001240503	Nguyễn Đức	Toàn	15DHTH04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	7,3	Được miễn giảm
22	2001240503	Nguyễn Đức	Toàn	15DHTH04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	6,4	Được miễn giảm
23	2003190103	Hoàng Thái	Bình	10DHCK1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Không miễn giảm
24	2004230046	Lê Thanh	Hiếu	14DHHH03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
25	2004230046	Lê Thanh	Hiếu	14DHHH03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
26	2004230046	Lê Thanh	Hiếu	14DHHH03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
27	2004230046	Lê Thanh	Hiếu	14DHHH03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
28	2004240201	Trần Ngọc Bảo	Nhi	15DHHH2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
29	2004240201	Trần Ngọc Bảo	Nhi	15DHHH2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
30	2004240201	Trần Ngọc Bảo	Nhi	15DHHH2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
31	2004240201	Trần Ngọc Bảo	Nhi	15DHHH2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
32	2004240201	Trần Ngọc Bảo	Nhi	15DHHH2	Giáo dục thể chất 2 - Võ thuật	1	8,0	Được miễn giảm
33	2004240201	Trần Ngọc Bảo	Nhi	15DHHH2	Giáo dục thể chất 3 - Võ thuật	1	6,6	Được miễn giảm
34	2005230541	Yu Thiên	Thiên	14DHTP02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
35	2005230541	Yu Thiên	Thiên	14DHTP02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
36	2005230541	Yu Thiên	Thiên	14DHTP02	Giáo dục thể chất 1	2	MT	Được miễn giảm
37	2005230541	Yu Thiên	Thiên	14DHTP02	Giáo dục thể chất 2	2	MT	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
38	2005230541	Yu Thiên	Thiên	14DHTP02	Giáo dục thể chất 3	1	MT	Được miễn giảm
39	2005240299	Hoàng Thanh	Phong	15DHTP07	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
40	2005240299	Hoàng Thanh	Phong	15DHTP07	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
41	2005240299	Hoàng Thanh	Phong	15DHTP07	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
42	2005240299	Hoàng Thanh	Phong	15DHTP07	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
43	2005240307	Trịnh Hoàng	Phúc	15DHTP05	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
44	2005240307	Trịnh Hoàng	Phúc	15DHTP05	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
45	2005240307	Trịnh Hoàng	Phúc	15DHTP05	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
46	2005240307	Trịnh Hoàng	Phúc	15DHTP05	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
47	2008202001	Phan Quế	Anh	11DHS1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
48	2008202001	Phan Quế	Anh	11DHS1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
49	2008202001	Phan Quế	Anh	11DHS1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
50	2008202001	Phan Quế	Anh	11DHS1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
51	2008202001	Phan Quế	Anh	11DHS1	Giáo dục thể chất 1	2	6,4	Được miễn giảm
52	2008202001	Phan Quế	Anh	11DHS1	Giáo dục thể chất 3	1	6,0	Được miễn giảm
53	2009240012	Đặng Chí	Minh	15DHMT	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
54	2009240012	Đặng Chí	Minh	15DHMT	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
55	2009240012	Đặng Chí	Minh	15DHMT	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
56	2009240012	Đặng Chí	Minh	15DHMT	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
57	2023240338	Hồ Ngọc Đăng	Thi	15DHNH03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
58	2023240338	Hồ Ngọc Đăng	Thi	15DHNH03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
59	2023240338	Hồ Ngọc Đăng	Thi	15DHNH03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
60	2023240338	Hồ Ngọc Đăng	Thi	15DHNH03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
61	2023240338	Hồ Ngọc Đăng	Thi	15DHNH03	Giáo dục thể chất 2	2	7,1	Được miễn giảm
62	2023240338	Hồ Ngọc Đăng	Thi	15DHNH03	Giáo dục thể chất 3	1	7,1	Được miễn giảm
63	2024240550	Trần Ngọc Trúc	Quỳnh	15DHQTDVLH05	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
64	2024240550	Trần Ngọc Trúc	Quỳnh	15DHQTDVLH05	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
65	2024240550	Trần Ngọc Trúc	Quỳnh	15DHQTDVLH05	Giáo dục thể chất 1	2	MT	Được miễn giảm
66	2024240550	Trần Ngọc Trúc	Quỳnh	15DHQTDVLH05	Giáo dục thể chất 2	2	MT	Được miễn giảm
67	2024240550	Trần Ngọc Trúc	Quỳnh	15DHQTDVLH05	Giáo dục thể chất 3	1	MT	Được miễn giảm
68	2024240853	Nguyễn Tùng	Quân	15DHQTDVLH02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
69	2024240853	Nguyễn Tùng	Quân	15DHQTDVLH02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
70	2024240853	Nguyễn Tùng	Quân	15DHQTDVLH02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
71	2024240853	Nguyễn Tùng	Quân	15DHQTDVLH02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
72	2024240853	Nguyễn Tùng	Quân	15DHQTDVLH02	Giáo dục thể chất 1 - Bơi	2	5,8	Được miễn giảm
73	2024240853	Nguyễn Tùng	Quân	15DHQTDVLH02	Giáo dục thể chất 2 - Bơi	2	8,2	Được miễn giảm
74	2024240854	Trần Đức	Thịnh	15DHQTDVLH11	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
75	2024240854	Trần Đức	Thịnh	15DHQTDVLH11	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
76	2024240854	Trần Đức	Thịnh	15DHQTDVLH11	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
77	2024240854	Trần Đức	Thịnh	15DHQTDVLH11	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
78	2024240854	Trần Đức	Thịnh	15DHQTDVLH11	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá	2	5,2	Được miễn giảm
79	2024240854	Trần Đức	Thịnh	15DHQTDVLH11	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá	2	6,2	Được miễn giảm
80	2028240047	Nguyễn Thị Kim	Huệ	15DHDD02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
81	2028240047	Nguyễn Thị Kim	Huệ	15DHDD02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
82	2028240047	Nguyễn Thị Kim	Huệ	15DHDD02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
83	2028240047	Nguyễn Thị Kim	Huệ	15DHDD02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
84	2029200186	Võ Minh	Qui	11DHAV1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
85	2029200186	Võ Minh	Qui	11DHAV1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
86	2029240124	Võ Lê Kim	Hoàng	15DHAV07	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Không miễn giảm
87	2029240124	Võ Lê Kim	Hoàng	15DHAV07	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Không miễn giảm
88	2029240124	Võ Lê Kim	Hoàng	15DHAV07	Giáo dục thể chất 1	2	MT	Không miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
89	2029240124	Võ Lê Kim	Hoàng	15DHAV07	Giáo dục thể chất 2	2	MT	Không miễn giảm
90	2029240124	Võ Lê Kim	Hoàng	15DHAV07	Giáo dục thể chất 3	1	MT	Không miễn giảm
91	2029240312	Nguyễn Trúc	Phương	15DHAV06	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	6,5	Được miễn giảm
92	2029240312	Nguyễn Trúc	Phương	15DHAV06	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	7,3	Được miễn giảm
93	2029240312	Nguyễn Trúc	Phương	15DHAV06	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền	2	6,4	Được miễn giảm
94	2029240338	Phạm Thị Như	Quỳnh	15DHAV04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
95	2029240338	Phạm Thị Như	Quỳnh	15DHAV04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
96	2029240338	Phạm Thị Như	Quỳnh	15DHAV04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
97	2029240338	Phạm Thị Như	Quỳnh	15DHAV04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
98	2032240209	Bùi Hữu Quốc	Khánh	15DHTDH06	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
99	2032240209	Bùi Hữu Quốc	Khánh	15DHTDH06	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
100	2032240209	Bùi Hữu Quốc	Khánh	15DHTDH06	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
101	2032240209	Bùi Hữu Quốc	Khánh	15DHTDH06	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
102	2033240297	Triệu Thế	Tài	15DHBM06	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
103	2033240297	Triệu Thế	Tài	15DHBM06	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
104	2033240371	Trang Thanh	Tuyền	15DHBM05	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
105	2033240371	Trang Thanh	Tuyền	15DHBM05	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
106	2037210354	Nguyễn Ngọc	Bích	12DHCTL02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
107	2037210354	Nguyễn Ngọc	Bích	12DHCTL02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
108	2037210354	Nguyễn Ngọc	Bích	12DHCTL02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
109	2037210354	Nguyễn Ngọc	Bích	12DHCTL02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
110	2037210354	Nguyễn Ngọc	Bích	12DHCTL02	Giáo dục thể chất 1	2	7,0	Được miễn giảm
111	2037210354	Nguyễn Ngọc	Bích	12DHCTL02	Giáo dục thể chất 2	2	7,0	Được miễn giảm
112	2039240021	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	15DHTQ07	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
113	2039240021	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	15DHTQ07	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
114	2039240021	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	15DHTQ07	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
115	2039240021	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	15DHTQ07	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
116	2039240021	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	15DHTQ07	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông	2	6,8	Được miễn giảm
117	2039240021	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	15DHTQ07	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông	1	5,8	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
118	2039240167	Nguyễn Thanh	Ngân	15DHTQ02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
119	2039240167	Nguyễn Thanh	Ngân	15DHTQ02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
120	2039240167	Nguyễn Thanh	Ngân	15DHTQ02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
121	2039240167	Nguyễn Thanh	Ngân	15DHTQ02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
122	2039240167	Nguyễn Thanh	Ngân	15DHTQ02	Giáo dục thể chất 1	2	MT	Được miễn giảm
123	2039240167	Nguyễn Thanh	Ngân	15DHTQ02	Giáo dục thể chất 2	2	MT	Được miễn giảm
124	2039240167	Nguyễn Thanh	Ngân	15DHTQ02	Giáo dục thể chất 3	1	MT	Được miễn giảm
125	2041240077	Võ Tuấn	Khanh	15DHQTTP05	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
126	2041240077	Võ Tuấn	Khanh	15DHQTTP05	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
127	2041240077	Võ Tuấn	Khanh	15DHQTTP05	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
128	2041240077	Võ Tuấn	Khanh	15DHQTTP05	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
129	2044240261	Liêu Chí	Phong	15DHTMDT06	Giáo dục thể chất 3	1	8,0	Được miễn giảm
130	2045240050	Võ Tấn	Đạt	15DHKHDL03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
131	2045240050	Võ Tấn	Đạt	15DHKHDL03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
132	2045240050	Võ Tấn	Đạt	15DHKHDL03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
133	2045240050	Võ Tấn	Đạt	15DHKHDL03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
134	2045240050	Võ Tấn	Đạt	15DHKHDL03	Giáo dục thể chất 3	1	7,0	Được miễn giảm
135	2046240128	Đặng Chí	Huy	15DHCNTC02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
136	2046240128	Đặng Chí	Huy	15DHCNTC02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
137	2046240128	Đặng Chí	Huy	15DHCNTC02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
138	2046240128	Đặng Chí	Huy	15DHCNTC02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
139	2046240478	Phạm Bảo	Ngân	15DHCNTC04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
140	2046240478	Phạm Bảo	Ngân	15DHCNTC04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
141	2046240478	Phạm Bảo	Ngân	15DHCNTC04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
142	2046240478	Phạm Bảo	Ngân	15DHCNTC04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
143	2022240057	Cao Nguyễn Bích	Hòa	15DHDB02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
144	2022240057	Cao Nguyễn Bích	Hòa	15DHDB02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
145	2013202154	Lê Viết Huy	Hoàng	11DHQT20	Giáo dục thể chất 1	2	MT	Được miễn giảm
146	2008240087	Hồ Khánh	Hoàng	15DHS03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	5,9	Được miễn giảm
147	2008240087	Hồ Khánh	Hoàng	15DHS03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	7,4	Được miễn giảm
148	2008240087	Hồ Khánh	Hoàng	15DHS03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	7,4	Được miễn giảm
6. Khoa: Khoa học ứng dụng								
1	2001221811	Nguyễn Hữu Hoàng	Thông	13DHTH01	Đại số tuyến tính	3	8,5	Được miễn giảm
2	2001221811	Nguyễn Hữu Hoàng	Thông	13DHTH01	Giải tích	3	6,5	Được miễn giảm
3	2001240087	Lý Vĩnh	Đức	15DHTH06	Giải tích	3	7,5	Được miễn giảm
4	2001240503	Nguyễn Đức	Toàn	15DHTH04	Giải tích	3	6,2	Được miễn giảm
5	2004240201	Trần Ngọc Bảo	Nhi	15DHHH2	Xác suất và thống kê	2	8,0	Được miễn giảm
6	2005232510	Nguyễn Thị Phương	Quyên	14DHTP01	Logic học	2	7,9	Được miễn giảm
7	2024240854	Trần Đức	Thịnh	15DHQTDVLH11	Toán cao cấp A2	2	6,4	Được miễn giảm
8	2025209001	Tăng Thái	Thịnh	11DHCDT1	Toán cao cấp A1	3	5,0	Được miễn giảm
9	2025209001	Tăng Thái	Thịnh	11DHCDT1	Vật lý đại cương	2	6,0	Được miễn giảm
10	2041240077	Võ Tuấn	Khanh	15DHQTTTP05	Toán cao cấp A1	3	6,0	Được miễn giảm
11	2044240261	Liêu Chí	Phong	15DHTMDT06	Toán cao cấp C1	3	9,5	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
7. Khoa: Luật								
1	2005240299	Hoàng Thanh	Phong	15DHTP07	Pháp luật đại cương	2	5,7	Được miễn giảm
2	2009240012	Đặng Chí	Minh	15DHMT	Pháp luật đại cương	2	6,0	Được miễn giảm
3	2013240448	Lê Quang	Huy	15DHQTQTKD08	Pháp luật đại cương	2	6,1	Được miễn giảm
4	2037220906	Tăng Thanh	Thuận	13DHCTL01	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	3	6,7	Không miễn giảm
5	2037220906	Tăng Thanh	Thuận	13DHCTL01	Luật hiến pháp	3	7,6	Được miễn giảm
6	2037220906	Tăng Thanh	Thuận	13DHCTL01	Pháp luật về chủ thể kinh doanh và phá sản	3	6,7	Không miễn giảm
7	2039240021	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	15DHTQ07	Pháp luật đại cương	2	8,3	Được miễn giảm
8	2039240167	Nguyễn Thanh	Ngân	15DHTQ02	Pháp luật đại cương	2	9,1	Được miễn giảm
9	2044240261	Liêu Chí	Phong	15DHTMDT06	Pháp luật đại cương	2	8,3	Được miễn giảm
8. Khoa: Lý luận chính trị								
1	2001240247	Nguyễn Văn	Linh	15DHTH03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	8,6	Được miễn giảm
2	2001240247	Nguyễn Văn	Linh	15DHTH03	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	6,2	Được miễn giảm
3	2001240247	Nguyễn Văn	Linh	15DHTH03	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	7,7	Được miễn giảm
4	2001240247	Nguyễn Văn	Linh	15DHTH03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	8,0	Được miễn giảm
5	2001240247	Nguyễn Văn	Linh	15DHTH03	Triết học Mác - Lênin	3	8,1	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
6	2001240503	Nguyễn Đức	Toàn	15DHTH04	Triết học Mác - Lênin	3	6,5	Được miễn giảm
7	2001240579	Phạm Tấn	Tú	15DHTH03	Triết học Mác - Lênin	3	7,8	Được miễn giảm
8	2004240201	Trần Ngọc Bảo	Nhi	15DHHH2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	8,3	Được miễn giảm
9	2004240201	Trần Ngọc Bảo	Nhi	15DHHH2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	8,8	Được miễn giảm
10	2004240201	Trần Ngọc Bảo	Nhi	15DHHH2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	7,8	Được miễn giảm
11	2004240201	Trần Ngọc Bảo	Nhi	15DHHH2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	8,8	Được miễn giảm
12	2004240201	Trần Ngọc Bảo	Nhi	15DHHH2	Triết học Mác - Lênin	3	7,8	Được miễn giảm
13	2005240299	Hoàng Thanh	Phong	15DHTP07	Triết học Mác - Lênin	3	5,2	Được miễn giảm
14	2008240113	Trần Duy	Khang	15DHS05	Triết học Mác - Lênin	3	6,3	Được miễn giảm
15	2009240012	Đặng Chí	Minh	15DHMT	Triết học Mác - Lênin	3	6,3	Được miễn giảm
16	2013240448	Lê Quang	Huy	15DHQTQTKD08	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	5,8	Được miễn giảm
17	2013240448	Lê Quang	Huy	15DHQTQTKD08	Triết học Mác - Lênin	3	5,3	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
18	2023240338	Hồ Ngọc Đăng	Thi	15DHNH03	Đường lối cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam	3	6,9	Được miễn giảm
19	2023240338	Hồ Ngọc Đăng	Thi	15DHNH03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7,4	Được miễn giảm
20	2023240338	Hồ Ngọc Đăng	Thi	15DHNH03	Triết học Mác - Lênin	3	7,5	Được miễn giảm
21	2024240853	Nguyễn Tùng	Quân	15DHQTDVLH02	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	4,8	Được miễn giảm
22	2024240853	Nguyễn Tùng	Quân	15DHQTDVLH02	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	4,8	Được miễn giảm
23	2024240853	Nguyễn Tùng	Quân	15DHQTDVLH02	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	7,5	Được miễn giảm
24	2024240853	Nguyễn Tùng	Quân	15DHQTDVLH02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	5,0	Được miễn giảm
25	2024240853	Nguyễn Tùng	Quân	15DHQTDVLH02	Triết học Mác - Lênin	3	5,8	Được miễn giảm
26	2024240854	Trần Đức	Thịnh	15DHQTDVLH11	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	8,4	Được miễn giảm
27	2024240854	Trần Đức	Thịnh	15DHQTDVLH11	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	8,2	Được miễn giảm
28	2024240854	Trần Đức	Thịnh	15DHQTDVLH11	Triết học Mác - Lênin	3	8,5	Được miễn giảm
29	2025209001	Tăng Thái	Thịnh	11DHCDT1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	6,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
30	2025209001	Tăng Thái	Thịnh	11DHCDT1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	5,0	Được miễn giảm
31	2025209001	Tăng Thái	Thịnh	11DHCDT1	Triết học Mác - Lênin	3	6,0	Được miễn giảm
32	2028240047	Nguyễn Thị Kim	Huệ	15DHDD02	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	7,2	Được miễn giảm
33	2028240047	Nguyễn Thị Kim	Huệ	15DHDD02	Triết học Mác - Lênin	3	7,4	Được miễn giảm
34	2029240312	Nguyễn Trúc	Phương	15DHAV06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	6,8	Được miễn giảm
35	2029240312	Nguyễn Trúc	Phương	15DHAV06	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	7,7	Được miễn giảm
36	2029240312	Nguyễn Trúc	Phương	15DHAV06	Triết học Mác - Lênin	3	6,7	Được miễn giảm
37	2029240338	Phạm Thị Như	Quỳnh	15DHAV04	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	6,9	Được miễn giảm
38	2029240338	Phạm Thị Như	Quỳnh	15DHAV04	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	6,7	Được miễn giảm
39	2029240338	Phạm Thị Như	Quỳnh	15DHAV04	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	7,8	Được miễn giảm
40	2029240338	Phạm Thị Như	Quỳnh	15DHAV04	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7,2	Được miễn giảm
41	2029240338	Phạm Thị Như	Quỳnh	15DHAV04	Triết học Mác - Lênin	3	8,3	Được miễn giảm
42	2036240161	Trần Ngọc	Huyền	15DHKDQT05	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	7,5	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
43	2036240161	Trần Ngọc	Huyền	15DHKDDQT05	Triết học Mác - Lênin	3	7,4	Được miễn giảm
44	2037220906	Tăng Thanh	Thuận	13DHKTL01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7,2	Được miễn giảm
45	2037220906	Tăng Thanh	Thuận	13DHKTL01	Triết học Mác - Lênin	3	7,4	Được miễn giảm
46	2039230090	Nguyễn Lê Đình	Khôi	14DHTQ01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	9,8	Được miễn giảm
47	2039230090	Nguyễn Lê Đình	Khôi	14DHTQ01	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	9,3	Được miễn giảm
48	2039230090	Nguyễn Lê Đình	Khôi	14DHTQ01	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	9,3	Được miễn giảm
49	2039230090	Nguyễn Lê Đình	Khôi	14DHTQ01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	8,4	Được miễn giảm
50	2039230090	Nguyễn Lê Đình	Khôi	14DHTQ01	Triết học Mác - Lênin	3	8,9	Được miễn giảm
51	2039230159	Nguyễn Lê Hồng	Nguyên	14DHQT01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	9,1	Được miễn giảm
52	2039230159	Nguyễn Lê Hồng	Nguyên	14DHQT01	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	8,8	Được miễn giảm
53	2039230159	Nguyễn Lê Hồng	Nguyên	14DHQT01	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	9,7	Được miễn giảm
54	2039230159	Nguyễn Lê Hồng	Nguyên	14DHQT01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	8,9	Được miễn giảm
55	2039230159	Nguyễn Lê Hồng	Nguyên	14DHQT01	Triết học Mác - Lênin	3	8,3	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
56	2039240021	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	15DHTQ07	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	6,5	Được miễn giảm
57	2039240021	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	15DHTQ07	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	7,5	Được miễn giảm
58	2039240021	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	15DHTQ07	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	7,5	Được miễn giảm
59	2039240021	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	15DHTQ07	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7,5	Được miễn giảm
60	2039240021	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	15DHTQ07	Triết học Mác - Lênin	3	7,5	Được miễn giảm
61	2039240167	Nguyễn Thanh	Ngân	15DHTQ02	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	8,7	Được miễn giảm
62	2039240167	Nguyễn Thanh	Ngân	15DHTQ02	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	7,8	Được miễn giảm
63	2039240167	Nguyễn Thanh	Ngân	15DHTQ02	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	8,3	Được miễn giảm
64	2039240167	Nguyễn Thanh	Ngân	15DHTQ02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	8,2	Được miễn giảm
65	2039240167	Nguyễn Thanh	Ngân	15DHTQ02	Triết học Mác - Lênin	3	7,8	Được miễn giảm
66	2039240173	Nguyễn Phương	Nghi	15DHTQ06	Triết học Mác - Lênin	3	6,7	Được miễn giảm
67	2041240077	Võ Tuấn	Khanh	15DHQTP05	Triết học Mác - Lênin	3	6,2	Được miễn giảm
68	2044240261	Liêu Chí	Phong	15DHTMDT06	Triết học Mác - Lênin	3	9,1	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
69	2045240050	Võ Tấn	Đạt	15DHKHD03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	7,9	Được miễn giảm
70	2045240050	Võ Tấn	Đạt	15DHKHD03	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	7,0	Được miễn giảm
71	2045240050	Võ Tấn	Đạt	15DHKHD03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	8,7	Được miễn giảm
72	2045240050	Võ Tấn	Đạt	15DHKHD03	Triết học Mác - Lênin	3	8,7	Được miễn giảm
73	2001240367	Thân Thế	Phong	15DHTH02	Triết học Mác - Lênin	3	7,8	Được miễn giảm
9, Khoa: Ngoại ngữ								
1	2001240087	Lý Vĩnh	Đức	15DHTH06	Anh văn 1	3	9,1	Được miễn giảm
2	2001240087	Lý Vĩnh	Đức	15DHTH06	Anh văn 2	3	9,4	Được miễn giảm
3	2001240087	Lý Vĩnh	Đức	15DHTH06	Anh văn 3	3	8,2	Được miễn giảm
4	2001240367	Thân Thế	Phong	15DHTH02	Anh văn 1	3	5,2	Được miễn giảm
5	2001240367	Thân Thế	Phong	15DHTH02	Anh văn 2	3	7,2	Được miễn giảm
6	2024240853	Nguyễn Tùng	Quân	15DHQTDVLH02	Anh văn 1	3	7,6	Được miễn giảm
7	2024240853	Nguyễn Tùng	Quân	15DHQTDVLH02	Anh văn 2	3	5,6	Được miễn giảm
8	2024240853	Nguyễn Tùng	Quân	15DHQTDVLH02	Anh văn 3	3	6,0	Được miễn giảm
9	2024240854	Trần Đức	Thịnh	15DHQTDVLH11	Anh văn 1	3	7,0	Được miễn giảm
10	2037220906	Tăng Thanh	Thuận	13DHKTL01	Anh văn 1	3	7,2	Được miễn giảm
11	2037220906	Tăng Thanh	Thuận	13DHKTL01	Anh văn 2	3	8,0	Được miễn giảm
12	2037220906	Tăng Thanh	Thuận	13DHKTL01	Anh văn 3	3	7,1	Được miễn giảm
13	2039240021	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	15DHTQ07	Anh văn 1	3	5,5	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét
					Tên học phần	Số tín chỉ		
14	2039240021	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	15DHTQ07	Anh văn 2	3	7,3	Được miễn giảm
15	2041240077	Võ Tuấn	Khanh	15DHQTTP05	Anh văn 1	3	8,4	Được miễn giảm
16	2041240077	Võ Tuấn	Khanh	15DHQTTP05	Anh văn 2	3	8,3	Được miễn giảm
17	2041240077	Võ Tuấn	Khanh	15DHQTTP05	Anh văn 3	3	8,3	Được miễn giảm
10. Khoa: Quản trị kinh doanh								
1	2013240448	Lê Quang	Huy	15DHQTQTKD08	Kinh tế vi mô	3	5,7	Được miễn giảm
2	2013240448	Lê Quang	Huy	15DHQTQTKD08	Kinh tế vĩ mô	3	6,1	Được miễn giảm
3	2036240161	Trần Ngọc	Huyền	15DHKDQT05	Quản trị học	3	8,2	Được miễn giảm
4	2037230427	Huỳnh Ngọc Minh	Thư	14DHKTL06	Quản trị doanh nghiệp	2	8,3	Được miễn giảm
5	2024240854	Trần Đức	Thịnh	15DHQTDVLH1	Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp	2	8,0	Được miễn giảm
11. Khoa: Tài chính kế toán								
1	2013240448	Lê Quang	Huy	15DHQTQTKD08	Nguyên lý kế toán	3	6,1	Được miễn giảm
2	2037230427	Huỳnh Ngọc Minh	Thư	14DHKTL06	Nguyên lý kế toán	3	7,9	Được miễn giảm

Tổng danh sách: 292

Được miễn giảm: 281

Không miễn giảm: 11